

だい9か さぎょうのしんちよく

第9課 作業の進捗

Tiến độ công việc

■ 目標 ■

指導員に不明な点を確認できる。

Có thể xác nhận điểm không rõ với người hướng dẫn.

作業の遅れを報告し、指導員に指示を仰ぐことができる。

Có thể báo cáo sự chậm trễ trong công việc và yêu cầu người hướng dẫn ra chỉ thị.

作業が終わったことを報告し、次に何をすればいいか尋ねることができる。

Có thể báo cáo công việc đã hoàn tất và hỏi việc gì mình nên làm tiếp theo.

作業の進捗

Tiến độ công việc

■^{かいわ}会話I■

ワンさんは巻糸機の前で佐藤さんの説明を聞いています。

佐藤 この きかいで コーンに いとを まきます。
この 機械で コーンに 糸を 巻きます。

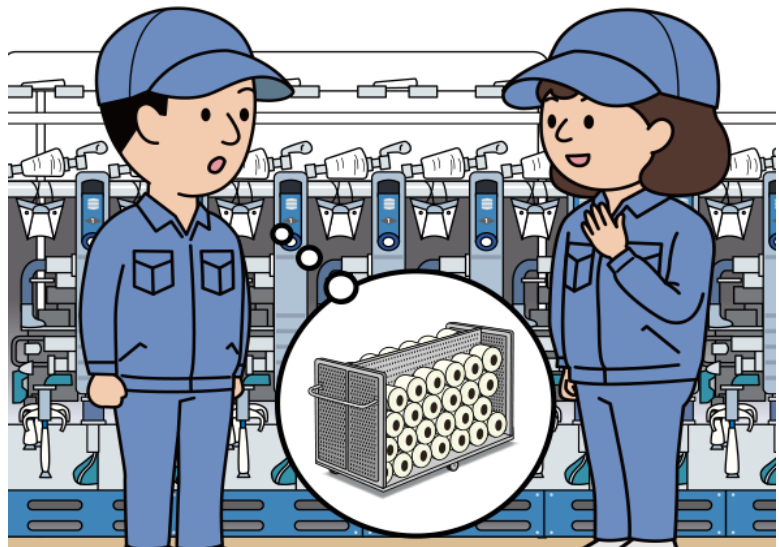
できあがった コーンは うんばんしゃに のせて、はこびます。
できあがった コーンは 運搬車に 載せて、運びます。

ワン うんばんしゃが ありません。
運搬車が ありません。

いま もって きますか、あとで もって きますか。
今 持って 来ますか、あとで 持って 来ますか。

佐藤 じゃ、いま もって こよう。
じゃ、今 持って 来よう。

ワン はい、わかりました。
はい、わかりました。



作業の進捗

Tiến độ công việc

■^{かいわ}会話 I ■

Wang đang nghe chị Sato giải thích trước máy cuốn chỉ.

Sato Chúng ta sẽ cuốn chỉ vào lõi bằng cái máy này.

Lõi đã cuốn xong sẽ được chất lên xe đẩy hàng để mang đi.

Wang Không có xe đẩy hàng.

Bây giờ em đem đến, hay đem đến sau ạ.

Sato Vậy, bây giờ em đem đến đi.

Wang Vâng, em hiểu rồi.

作業の進捗

Tiến độ công việc

■^{かいわ}会話2■

リンさんは作業が遅れそうだと思います、鈴木さんに声をかけました。

リン すみません。
すみません。

そでを つくって いますが、3じまでに おわりません。
袖を 作って いますが、3時までに 終わりません。

どう したら いいですか。
どう したら いいですか。

鈴木 なんじまでに できそう？
何時までに できそう？

リン 4じまでに できると おもいます。
4時までに できると 思います。

鈴木 そっか。 じゃ、そのまま 続けて。
そっか。 じゃ、そのまま 続けて。

おわったら、すぐ おしえてね。
終わったら、すぐ 教えてね。

リン はい。
はい。



作業の進捗

Tiến độ công việc

■^{かいわ}会話2■

Lin nghĩ có lẽ công việc sẽ bị chậm trễ nên đã nói với anh Suzuki.

Lin Xin lỗi.

Em đang làm tay áo nhưng đến 3 giờ thì không xong được.

Em nên làm thế nào ạ?

Suzuki Em ước chừng đến mấy giờ xong?

Lin Em nghĩ là đến 4 giờ thì được ạ.

Suzuki Vậy à? Vậy em cứ làm tiếp đi.

Xong rồi thì báo cho tôi ngay nhé.

Lin Vâng.

作業の進捗

Tiến độ công việc

■^{かいわ}会話3■

リンさんはシャツのパーツを縫っています。

リン すずきさん。
鈴木さん。

まえみごろは ぜんぶ おわりました。
前身頃は 全部 終わりました。

かくにん、おねがいします。
確認、お願いします。

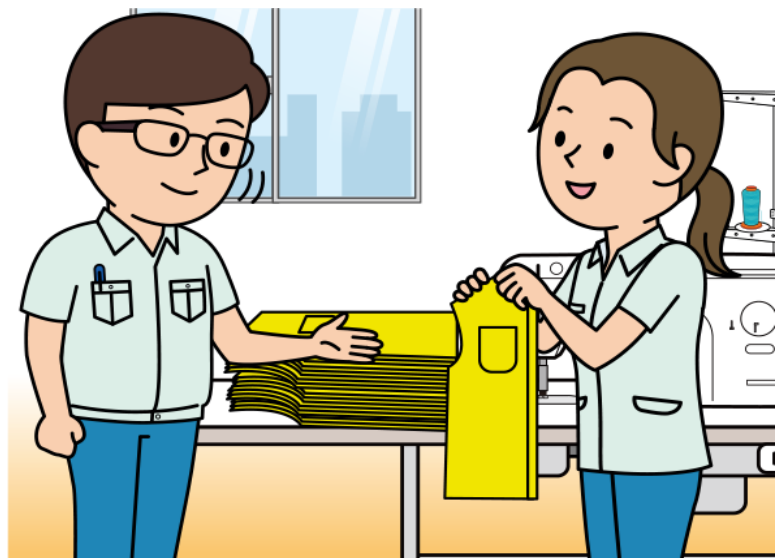
鈴木 わかった。
わかった。

うん。 もんだいないね。
うん。 問題ないね。

リン つぎに なにを したら いいですか。
次に 何を したら いいですか。

鈴木 じゃ、とむさんを てつだって あげて。
じゃ、トムさんを 手伝って あげて。

リン はい、わかりました。
はい、わかりました。



作業の進捗

Tiến độ công việc

■^{かいわ}会話3■

Lin đang may bộ phận của áo.

Lin Anh Suzuki ơi!

Em đã may xong hết phần thân trước.

Anh kiểm tra giúp em ạ.

Suzuki Tôi hiểu rồi.

Ừm, không có vấn đề gì.

Lin Tiếp theo em nên làm gì ạ?

Suzuki Vậy em giúp Tom nhé.

Lin Vâng, em hiểu rồi.

作業の進捗

Tiến độ công việc

■ことば■

	ことば	読み
1	コーン	こーん
2	糸を巻く	いとをまく
3	運搬車	うんぱんしゃ
4	載せる	のせる
5	運ぶ	はこぶ
6	持って来る	もってくる
7	袖	そで
8	できる	できる
9	続ける	つづける
10	前身頃	まえみごろ
11	確認(する)	かくにん(する)
12	手伝う	てつだう
13	太い	ふとい
14	針	はり
15	細い	ほそい
16	表	おもて
17	裏	うら
18	ボタンを押す	ぼたんをおす
19	袖を付ける	そでをつける
20	衿	えり
21	縫う	ぬう
22	終わらせる	おわらせる
23		
24		
25		
26		
27		
28		
29		
30		

作業の進捗

Tiến độ công việc

	意味 <small>いみ</small>
1	Lỗi, cuộn chỉ
2	Cuốn chỉ
3	Xe đẩy hàng
4	Chất lên, chở
5	Mang, khiêng, vác
6	Đem đến, mang đến
7	Tay áo
8	Làm xong, hoàn thành
9	Tiếp tục
10	Thân trước
11	Sự kiểm tra / xác nhận (kiểm tra / xác nhận)
12	Giúp, giúp đỡ
13	Dày, to
14	Kim
15	Mỏng, thon
16	Mặt trước, mặt phải
17	Mặt sau, mặt trái
18	Nhấn/bấm nút
19	Ráp tay áo
20	Cổ áo
21	Máy
22	Làm xong, kết thúc
23	
24	
25	
26	
27	
28	
29	
30	

作業の進捗

Tiến độ công việc

■ 応用練習 ■

④⑤にあなたが使う文を書きましょう。

指導員にチェックしてもらいましょう。

★ ～か、…か

いま もって きますか、あとで もって きますか。

今 持って 来ますか、あとで 持って 来ますか。

ふとい はりを つかいますか、ほそい はりを つかいますか。

① 太い 針を 使いますか、細い 針を 使いますか。

これは おもてですか、うらですか。

② これは 表ですか、裏ですか。

この ボタンを おしますか、おしませんか。

③ この ボタンを 押しますか、押しませんか。

④

⑤

★ ～までに

そでを つくって いますが、3じまでに おわりません。

袖を 作って いますが、3時までに 終わりません。

5じまでに そでを つけて ください。

① 5時までに 袖を 付けて ください。

10じまでに えりを ぜんぶ ぬいます。

② 10時までに 衿を 全部 縫います。

なんじまでに おわらせますか。

③ 何時までに 終わらせますか。

④

⑤

作業の進捗

Tiến độ công việc

■ 応用練習 ■

Hãy viết câu mà bạn dùng vào (4)(5).

Hãy nhờ người hướng dẫn kiểm tra.

★ ~か、…か

Bây giờ em đem đến, hay đem đến sau ạ.

- ① Sử dụng kim dày hay sử dụng kim mỏng ạ?
- ② Đây là mặt phải hay mặt trái ạ?
- ③ Nhấn hay không nhấn nút này ạ?
- ④
- ⑤

★ ~までに

Em đang làm tay áo nhưng đến 3 giờ thì không xong được.

- ① Hãy ráp tay áo đến 5 giờ.
- ② Em sẽ may toàn bộ cổ áo đến 10 giờ.
- ③ Phải làm xong đến mấy giờ ạ?
- ④
- ⑤

わたしの かいわ

モデル^{かいわ}会話を^{さんこう}参考にして、^{かいわ}会話を^か書きましょう。

^{しどういん}指導員にチェックしてもらいましょう。

Hãy tham khảo đoạn hội thoại mẫu và viết hội thoại.

Hãy nhờ người hướng dẫn kiểm tra.